

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng,  
huyện Tuy Phước đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;*

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4231/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất huyện Tuy Phước thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 38/HD-SXD ngày 12/09/2019 của Sở Xây dựng Bình Định về Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 649/UBND-QH ngày 16/05/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc chủ trương lập Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 9039/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phước Thắng về việc thông qua Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Phước Thắng tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 07/06/2024 và của Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 212A/BC-PKTHT ngày 11/06/2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035, với các nội dung như sau:

**1. Tên đề án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước đến năm 2035.

**2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô diện tích lập quy hoạch:**

**2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới**

Khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc địa giới hành chính của xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước; có giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Xã Cát Chánh, huyện Phù Cát;
- Phía Tây giáp: Xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn và xã Phước Hưng, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước;
- Phía Nam giáp: Xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước;
- Phía Bắc giáp: Xã Cát Chánh, huyện Phù Cát.

## **2.2. Quy mô diện tích và thời hạn lập quy hoạch**

- Quy mô diện tích đất tự nhiên: 1.412,94ha.
- Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2035.
- + Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025.
- + Giai đoạn dài hạn đến năm 2035.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.

## **3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:**

- Nhằm cụ thể hóa định hướng đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 13/4/2023. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất hạ tầng xã hội và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Quy hoạch xây dựng xã Phước Thắng đến năm 2035 đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo theo bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nuôi trồng thủy sản gắn liền bảo tồn sinh thái; thương mại, dịch vụ . . . Đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường.

- Làm cơ sở để quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã trong việc lập các quy hoạch chi tiết, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

## **4. Dự báo động lực phát triển kinh tế:**

- Là xã thuộc tiểu vùng 3 (theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050) với định hướng phát triển kinh tế của xã: Phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, kết hợp phát triển dân cư gắn với bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa di tích, cảnh quan phục vụ du lịch.

- Định hướng của xã: Đến cuối năm 2024, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025.

### 5. Dự báo quy mô dân số và lao động:

- Dân số hiện trạng: 9.204 người (nguồn số liệu: Niên giám thống kê huyện Tuy Phước).

- Dự báo dân số và lao động

+ Đến năm 2025: Dân số toàn xã khoảng 9.604 người; dân số trong độ tuổi lao động khoảng 6.910 người.

+ Đến năm 2035: Dân số toàn xã khoảng 10.758 người; dân số trong độ tuổi lao động khoảng 7.730 người.

### 6. Quy mô đất xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ, cây xanh, thể dục thể thao:

**Bảng định hướng quy hoạch, đầu tư công trình công cộng, dịch vụ, cây xanh, thể dục thể thao**

STT	Loại công trình	Diện tích đất (ha)			Đánh giá	Định hướng quy hoạch	
		Hiện trạng	Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035		Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035
<b>I</b>	<b>Công trình công cộng</b>						
<b>1</b>	<b>Trụ sở</b>						
1.1	Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã	0,31	0,31	0,37	≥0,1ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	QH mở rộng diện tích
1.2	Trụ sở Công an xã		0,14	0,14	≥0,05ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Quy hoạch xây dựng mới	Giữ hiện trạng
<b>2</b>	<b>Công trình y tế</b>						
2.1	Trạm y tế xã	0,17	0,17	0,40	≥0,1ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	QH mở rộng diện tích
<b>3</b>	<b>Công trình văn hoá</b>						
-	Nhà văn hoá Trung tâm xã	0,37	0,37	0,37	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
<b>4</b>	<b>Công trình dịch vụ</b>						
4.1	Chợ trung tâm xã	0,27	0,27	0,50	≥0,15ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	QH xây dựng vị trí mới
4.2	Hợp tác xã nông nghiệp	0,25	0,25	0,25	01 công trình (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo

STT	Loại công trình	Diện tích đất (ha)			Đánh giá	Định hướng quy hoạch	
		Hiện trạng	Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035		Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035
4.3	Buru điện xã	0,015	0,015	0,015	≥0,015ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
4.4	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn		0,45	0,45	≥0,03ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Quy hoạch xây dựng mới	Giữ hiện trạng
<b>5</b>	<b>Công trình giáo dục</b>						
5.1	Trường THCS Phước Thắng	0,70	0,70	1,18	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	QH mở rộng diện tích
5.2	Trường tiểu học	1,67	1,67	2,70			
-	<i>Trường Tiểu học số 1 Phước Thắng-Điểm trường Tư Cung</i>	0,48	0,48	0,90	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Quy hoạch mở rộng diện tích
-	<i>Trường Tiểu học số 1 Phước Thắng-Điểm trường Lương Bình</i>	0,20	0,20	0,20	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
-	<i>Trường Tiểu học số 1 Phước Thắng-Điểm trường Khuông Bình</i>	0,10	0,10	0,10	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
-	<i>Trường Tiểu học số 2 Phước Thắng-Điểm chính thôn Lạc Điền</i>	0,66	0,66	0,87	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Quy hoạch mở rộng
-	<i>Trường Tiểu học số 2 Phước Thắng-Điểm phụ thôn Lạc Điền</i>	0,23	0,23	0,23	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
-	<i>Trường Tiểu học + Mầm non - Điểm phụ thôn Đông Điền</i>			0,40	(Đáp ứng đủ nhu cầu)		Quy hoạch xây dựng mới
5.3	Trường Mầm non	0,33	0,33	0,70			
-	<i>Điểm chính trường Mầm non Phước Thắng</i>	0,21	0,21	0,58	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Quy hoạch mở rộng
-	<i>Điểm trường Mầm non Khuông Bình</i>	0,10	0,10	0,10	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo

STT	Loại công trình	Diện tích đất (ha)			Đánh giá	Định hướng quy hoạch	
		Hiện trạng	Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035		Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025	Giai đoạn dài hạn đến năm 2035
-	Điểm trường Mầm non An Lợi đội 8	0,02	0,02	0,02	(Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Sửa chữa, cải tạo
<b>II</b>	<b>Công viên cây xanh, thể dục thể thao</b>						
1	Sân vận động xã			1,40	≥0,5ha (Đáp ứng đủ nhu cầu)	Giữ hiện trạng	Đầu tư xây dựng các hạng mục cần thiết
2	Quy hoạch đất cây xanh tại các khu thể thao thôn		1,61		≥4m <sup>2</sup> / người (Đáp ứng đủ nhu cầu)		Quy hoạch xây dựng mới
3	Quy hoạch đất cây xanh ở trung tâm xã			2,20	≥4m <sup>2</sup> / người (Đáp ứng đủ nhu cầu)		Quy hoạch xây dựng mới

## 7. Quy hoạch sử dụng đất:

**Bảng cơ cấu sử dụng đất**

TT	CHỈ TIÊU	Hiện trạng		Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất				Tăng giảm (ha)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Đến năm 2025		Đến năm 2035		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.412,94</b>	<b>100,0</b>	<b>1.412,94</b>	<b>100,0</b>	<b>1.412,94</b>	<b>100,0</b>	<b>0,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1.039,24</b>	<b>73,55</b>	<b>1.031,97</b>	<b>73,04</b>	<b>918,13</b>	<b>64,98</b>	<b>-121,11</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	987,22	69,87	979,95	69,36	876,06	62,00	-111,16
1.1.1	Đất trồng lúa	906,35	64,15	899,30	63,65	800,88	56,68	-105,47
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	80,87	5,72	80,65	5,71	75,18	5,32	-5,69
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2	Đất lâm nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	52,02	3,68	52,02	3,68	42,07	2,98	-9,95
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>207,42</b>	<b>14,68</b>	<b>216,61</b>	<b>15,33</b>	<b>344,44</b>	<b>24,38</b>	<b>137,02</b>

TT	CHỈ TIÊU	Hiện trạng		Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất				Tăng giảm (ha)
				Đến năm 2025		Đến năm 2035		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.1	Đất ở	51,91	3,67	56,55	4,00	113,63	8,04	61,72
2.2	Đất công cộng	1,45	0,10	2,55	0,18	6,07	0,43	4,62
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,07	0,00	1,68	0,12	5,26	0,37	5,19
2.4	Đất tôn giáo, danh lam, thắng cảnh, di tích, đình đền	1,28	0,09	1,28	0,09	1,28	0,09	0,00
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,54	0,04	0,54	0,04	0,54	0,04	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	3,24	0,23	3,24	0,23	45,47	3,22	42,23
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	93,31	6,60	93,85	6,64	115,22	8,15	21,91
2.8.1	Đất giao thông	73,26	5,18	73,80	5,22	88,44	6,26	15,18
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,05	0,00	0,05
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	20,05	1,42	20,05	1,42	26,23	1,86	6,18
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,50	0,04	0,50
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	55,62	3,94	56,78	4,02	56,83	4,02	1,21
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,00	0,14	0,01	0,14	0,01	0,14
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>166,28</b>	<b>11,77</b>	<b>164,36</b>	<b>11,63</b>	<b>150,37</b>	<b>10,64</b>	<b>-15,91</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	153,95	10,90	152,33	10,78	141,76	10,03	-12,19
3.2	Đất chưa sử dụng	12,33	0,87	12,03	0,85	8,61	0,61	-3,72

## 8. Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

### 8.1. Chỉ tiêu đất xây dựng

- Đất ở tại các khu dân cư mới tối đa: 45m<sup>2</sup>/người.
- Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.
- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn mới đạt tối thiểu 4m<sup>2</sup>/người.
- Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.

### 8.2. Các chỉ tiêu kiến trúc

#### a) Công trình nhà ở:

- Mật độ xây dựng gộp tại các điểm dân cư tối đa: 60%.
- Tầng cao:
  - + Nhà ở riêng lẻ ngoài khu vực trung tâm tầng cao tối đa: 03 tầng.
  - + Nhà ở riêng lẻ tại khu vực trung tâm tầng cao tối đa: 05 tầng.

#### b) Công trình công cộng:

- Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%.

- Tầng cao tối đa: 03 tầng.

*c) Công trình thương mại - dịch vụ khác:*

- Mật độ xây dựng thuần tối đa: 70%.

- Tầng cao tối đa: 05 tầng.

## **9. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:**

### **9.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Trung tâm xã thuộc địa phận thôn Tư Cung với tổng diện tích 24,20 ha là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã, tập trung chủ yếu các công trình công cộng, trụ sở các cơ quan sự nghiệp, nhà làm việc công an xã, khu thể dục, thể thao, hoa viên cây xanh, thương mại - dịch vụ và đất ở khu trung tâm. Trong kỳ quy hoạch lần này, bố trí lại cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình thực tế và định hướng phát triển của toàn xã; đảm bảo sự kết nối hài hòa và đồng bộ trong tổ chức không gian, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; làm cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**Bảng tổng hợp sử dụng đất khu trung tâm xã**

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Chợ trung tâm xã	0,50	2,07
2	Bãi đậu xe	0,45	1,86
3	Đất thương mại dịch vụ	0,50	2,07
4	Khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	0,45	1,86
5	Đất giao thông quy hoạch	5,54	22,89
6	Nhà làm việc công an xã	0,14	0,58
7	Đất khu dân cư quy hoạch	8,56	35,37
8	Đất công viên cây xanh quy hoạch	2,20	9,09
9	Sân vận động	1,40	5,79
10	Đất công cộng khác	1,02	4,21
11	Đất dân cư hiện hữu	0,70	2,89
12	Trụ sở UBND xã Phước Thắng	0,31	1,28
13	Nhà Văn hóa xã	0,37	1,53
14	Nghĩa trang liệt sỹ	0,32	1,32
15	Trạm y tế xã Phước Thắng	0,40	1,65
16	Đất giao thông hiện hữu	0,55	2,27
17	Đất thủy lợi	0,79	3,26
	<b>Cộng</b>	<b>24,20</b>	<b>100,00</b>



## **9.2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn khu trung tâm**

Khu dân cư hiện trạng phân bố dọc theo đường trục chính của xã; Phát triển khu dân cư mới theo hình thái nhà liền kề kết hợp với kinh doanh dịch vụ. Bao gồm: Đất dân cư hiện trạng với diện tích: 0,7ha, đất ở quy hoạch mới với diện tích: 8,56 ha.

## **9.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

### **9.3.1. Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã**

Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã hiện có với diện tích 3.123m<sup>2</sup>. Trong tương lai, quy hoạch mở rộng 600m<sup>2</sup> về phía Bắc và phía Tây.

### **9.3.2. Công trình giáo dục**

Trên địa bàn xã có 1 trường THCS, 5 điểm trường Tiểu học và 3 điểm trường Mầm non. Trong thời gian đến, dự kiến quy hoạch mở rộng và quy hoạch mới một số điểm như sau:

- Trường THCS Phước Thắng ở thôn Tư Cung quy hoạch mở rộng thêm 4.800m<sup>2</sup> đưa tổng diện tích của trường thành 11.823m<sup>2</sup>.

- Trường Tiểu học số 1 Phước Thắng ở thôn Tư Cung quy hoạch mở rộng thêm 4.200m<sup>2</sup> đưa tổng diện tích của trường thành 8.975m<sup>2</sup>.

- Trường Tiểu học số 2 Phước Thắng điểm chính thôn Lạc Điền quy hoạch mở rộng thêm 2.100m<sup>2</sup> đưa tổng diện tích của trường thành 8.704m<sup>2</sup>.

- Điểm chính trường Mầm non Phước Thắng thôn Tư Cung mở rộng thêm 3.700m<sup>2</sup> đưa tổng diện tích của trường thành 5.807m<sup>2</sup>.

- Trường Tiểu học + Mầm non điểm phụ thôn Đông Điền quy hoạch mới với diện tích 4.000m<sup>2</sup>.

### **9.3.3. Công trình y tế**

Trạm y tế xã với diện tích hiện có 1.655m<sup>2</sup>, định hướng đến năm 2035 quy hoạch mở rộng thêm 2.345m<sup>2</sup>, đưa tổng diện tích của trạm thành 4.000m<sup>2</sup>.

### **9.3.4. Nhà văn hóa, khu thể thao (xã, thôn)**

- Nhà văn hoá, khu thể thao xã diện tích 3.670m<sup>2</sup> tại khu trung tâm xã, giữ nguyên diện tích theo hiện trạng.

- Sân vận động xã quy hoạch mới ở thôn Tư Cung với diện tích 14.000m<sup>2</sup>.

- Nhà văn hoá các thôn: Giữ nguyên diện tích theo hiện trạng.

- Khu thể thao các thôn: Quy hoạch mở rộng diện tích và quy hoạch mới tại các thôn, cụ thể như sau:

- + Khu thể thao thôn Khuông Bình: Quy hoạch mới với diện tích 2.000m<sup>2</sup>.

- + Khu thể thao thôn Lương Bình: Quy hoạch mới với diện tích 1.700m<sup>2</sup>.

- + Khu thể thao thôn An Lợi: Quy hoạch mới với diện tích 2.300m<sup>2</sup>.
- + Khu thể thao thôn Phở Đồng: Quy hoạch mới với diện tích 2.000m<sup>2</sup>.
- + Khu thể thao thôn Đông Điền: Quy hoạch mới với diện tích 2.100m<sup>2</sup>.
- + Khu thể thao thôn Dương Thành: Quy hoạch mới với diện tích 2.000m<sup>2</sup> (trong đó có 224m<sup>2</sup> lấy từ đất điểm trường Mầm non Dương Thành).
- + Khu thể thao thôn Lạc Điền: Quy hoạch mới với diện tích 2.000m<sup>2</sup>.
- + Khu thể thao thôn Thanh Quang: Quy hoạch mới với diện tích 2.000m<sup>2</sup>.

### **9.3.5. Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao**

Quy hoạch đất công viên cây xanh tại trung tâm xã với diện tích: 22.000m<sup>2</sup>.

### **9.3.6. Bưu điện văn hóa xã**

Ổn định theo hiện trạng với diện tích 150m<sup>2</sup> tại trung tâm xã.

### **9.3.7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Chợ Phước Thắng: Ổn định theo hiện trạng với diện tích 2.671m<sup>2</sup> tại thôn Tư Cung. Định hướng đến 2035 quy hoạch ở vị trí mới phù hợp tại khu trung tâm xã với diện tích 5.000m<sup>2</sup>.

### **9.3.8. Nhà làm việc công an xã**

Quy hoạch và xây dựng mới với diện tích 1.400m<sup>2</sup> tại thôn Tư Cung.

### **9.3.9. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn**

Quy hoạch mới với diện tích 4.500m<sup>2</sup> tại thôn Tư Cung.

### **9.3.10. Hợp tác xã nông nghiệp Phước Thắng**

Ổn định diện tích theo hiện trạng 2.531m<sup>2</sup> tại thôn Tư Cung.

### **9.3.11. Trạm xử lý nước thải**

Quy hoạch mới với diện tích 5.000m<sup>2</sup> tại thôn Phở Đồng.

### **9.3.12. Điểm tập kết chất thải nguy hại**

Quy hoạch mới với diện tích 500m<sup>2</sup> tại thôn Phở Đồng.

**9.3.13. Nhà tránh trú thiên tai:** Quy hoạch mới tại các thôn với diện tích: Đông Điền (2.500m<sup>2</sup>), Lạc Điền (3.000m<sup>2</sup>), An Lợi (2.000m<sup>2</sup>).

**9.4. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ:**

#### **9.4.1. Định hướng phát triển dân cư ở các thôn**

Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ:

a) *Đối với khu dân cư hiện trạng:*

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình trên cơ sở kế thừa

bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn...

- Mật độ xây dựng tối thiểu 40%.
- Chiều cao tầng khuyến khích  $\leq 3$  tầng.

b) Đối với khu dân cư mới:

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới:

TT	Loại đất	(m <sup>2</sup> /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	30
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	4

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Kiến trúc hiện đại, đặc trưng của điểm dân cư nông thôn mới mang dáng dấp của dân cư đô thị mới. Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn, ...

- + Mật độ xây dựng tối thiểu 60%.
- + Chiều cao tầng từ 1 đến 5 tầng.

#### 9.4.2. Quy hoạch đất ở dân cư các thôn

Định hướng quy hoạch đến 2035 là 53,16 ha, phân bố tập trung ở các tuyến đường chính như: ĐT.631, ĐT.640, tuyến đường liên thôn. Phát triển theo hình thái nhà vườn kết hợp sản xuất nông nghiệp, nhà ở liền kề và các khu dân cư tập trung. Cụ thể:

- Thôn Dương Thành: 1,16 ha (phía Tây nhà văn hoá đến giáp xã Nhơn Hạnh - 2 bên khu dân cư hiện hữu dọc kênh Văn Khám; KDC sân kho đội 2 phía Đông đường bê tông).

- Thôn Khuông Bình: 4,64 ha (hai bên KDC hiện hữu phía Bắc ĐT.631 đến giáp xã Nhơn Hạnh).

- Thôn Lương Bình: 15,56 ha (dưới cổng chào Lương Bình; KDC đội 6 Lương Bình; Khu tái định cư Diêm Vân - Cát Tiến; KDC phía Đông trường Tiểu học số 1 Phước Thắng).

- Thôn Thanh Quang: 4,84 ha (từ khu dân hiện hữu đến cầu Bà Lý).

- Thôn Tư Cung: 6,14 ha (trước trụ sở thôn; Hai bên tuyến giao thông đối diện trường THCS Phước Thắng, KDC phía Tây chợ Gò Bồi mới giáp xã Phước Hòa).

- Thôn Lạc Điền: 13,93 ha (KDC phía Tây chợ Gò Bồi mới giáp với xã Phước Hoà; KDC trước trường tiểu học số 2 Phước Thắng và khu đô thị Gò Bồi 1).

- Thôn Phở Đồng: Gồm 2 điểm dân cư, với tổng diện tích 4,15 ha (đọc ĐT.631 và phía Nam cầu 19/5 phía dưới ĐT.640).

- Thôn An Lợi: 0,94 ha (phía Tây trường mầm non điểm An Lợi đội 7 đến giáp đường bê tông vào trụ sở thôn; Phía Đông trụ sở thôn).

- Thôn Đông Điền: Khu dân cư từ công Nước Ngọt đến nhà tránh trú bão, với diện tích 1,80 ha.

### **9.5. Định hướng phát triển thương mại - dịch vụ:**

a) *Định hướng phát triển:* Phát triển các khu thương mại - dịch vụ tập trung, phát triển nhà ở kết hợp với thương mại - dịch vụ ở khu trung tâm xã và các đường trục xã, liên xã.

b) *Quy hoạch phát triển:*

- Quy hoạch bãi đậu xe với diện tích khoảng 0,45 ha tại thôn Tư Cung.

- Chợ nông thôn: Quy hoạch chợ trung tâm xã ở vị trí mới với diện tích khoảng 0,50 ha tại thôn Tư Cung.

- Quy hoạch đất thương mại - dịch vụ tại thôn Tư Cung khoảng 0,50 ha; thôn Lạc Điền khoảng 40,82 ha.

- Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn với diện tích 0,45 ha tại thôn Tư Cung.

### **9.6. Định hướng khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:**

a) *Quan điểm phát triển nông nghiệp:*

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa với các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác trên cơ sở thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp xã Phước Thắng bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển nông nghiệp theo liên kết chuỗi, theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ.

- Định hướng phát triển vùng chuyên trồng lúa nước dọc phía Tây tuyến đường Cát Tiến- Diêm Vân (theo Quyết định 1180/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định).

- Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm khu vực ven đầm Thị Nại, vùng nuôi trồng thủy sản; đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước.

*b) Định hướng bố trí quy hoạch:*

- Trồng trọt:

Định hướng bố trí quy hoạch đến năm 2035, tổng diện tích trồng lúa của xã Phước Thắng là 800,85ha; trong đó bố trí diện tích trồng lúa giống và lúa chất lượng cao khoảng 500ha, diện tích còn lại khoảng 300,85ha sẽ bố trí quy hoạch trồng lúa thương phẩm; trong đó ưu tiên bố trí quy hoạch trồng lúa thương phẩm phía Tây tuyến đường Cát Tiên - Diêm Vân.

- Chăn nuôi:

Định hướng phát triển chăn nuôi gia cầm ở nông hộ với quy mô hợp lý; có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

- Nuôi trồng thủy sản:

+ Định hướng đầu tư thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có của xã; trên cơ sở bảo đảm vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước.

+ Định hướng đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật với diện tích khoảng 24 ha tại thôn Đông Điền.

- Định hướng quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, trải nghiệm khoảng 14 ha; tại thôn Lạc Điền khoảng 8 ha và thôn Đông Điền khoảng 6 ha.

**10. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn và đô thị:**

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thông qua các giải pháp tổng thể về quy hoạch, đầu tư, khoa học kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, phân công lao động trong nông nghiệp,...

- Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp trên cơ sở phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch thân thiện với môi trường.

- Tiến hành rà soát, quy hoạch, tái bố trí sử dụng đất đai. Phát triển nông nghiệp luôn gắn liền với bố trí, sử dụng đất đai tiết kiệm và hiệu quả, nhằm hạn chế tình trạng hạn hán, lũ lụt, xói mòn, sạt lở. Bên cạnh đó, cơ cấu lại quỹ đất nông nghiệp để khuyến khích sản xuất hàng hóa lớn. Qua đó thúc đẩy sự hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh gắn với kết cấu hạ tầng phù hợp cho việc đầu tư cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, công nghệ chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Quá trình tái cơ cấu tổng thể ngành nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi phải tiến hành tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hợp tác đa dạng trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho nông dân và các chủ thể khác tham gia.

## **11. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **11.1. Định hướng quy hoạch giao thông**

a) Giao thông đối ngoại: Định hướng giao thông vùng: Theo điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Tuy Phước, xã Phước Thắng kết nối với các vùng khác qua các tuyến giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường ĐT.640 kết nối với xã Cát Chánh, huyện Phù Cát về phía Bắc, kết nối với trung tâm hành chính huyện Tuy Phước về phía Nam.

- Tuyến đường ĐT. 631 kết nối với xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn về phía Tây.

- Tuyến đường ven biển Diêm Vân - Cát Tiến kết nối với thị trấn Đề Gi, huyện Phù Cát về phía Bắc, kết nối quốc lộ 19 mới về phía Nam.

- Tuyến đường trục xã kết nối với xã Cát Chánh về phía Bắc, kết nối với xã Phước Hòa về phía Nam.

- Tuyến đường ĐT.636B kết nối quốc lộ 1A với Khu kinh tế Nhơn Hội thông qua cầu Thị Nại 3.

- Tuyến đường liên xã đi qua địa bàn thôn Dương Thành kết nối với xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn về phía Nam và xã Cát Thắng, huyện Phù Cát về phía Bắc; Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku (CT 20) đi qua phía Bắc thôn Dương Thành (Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

b) Giao thông đối nội:

- *Đường trục thôn*: Nâng cấp 3 tuyến với chiều dài 1,84km theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (từ 12-14m).

- *Đường giao thông nội đồng*: Nâng cấp 32 tuyến đường giao thông nông thôn cấp C với tổng chiều dài khoảng 19km.

### **11.2. Định hướng quy hoạch san nền**

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng khu vực sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn.

- Độ dốc nền thiết kế phải đảm bảo thoát nước tự chảy, tránh lồi lõm cục bộ.

- Tại khu vực trung tâm xã và các khu vực bán sát trục đường trung tâm xã, cao độ xây dựng không chế được lấy theo cao độ của trục đường này.

- Khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở hiện trạng giữ nguyên cốt hiện trạng, các khu vực bị ngập úng tồn nền vượt lũ cao nhất đã xảy ra tại khu vực đó. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt  $H_{Lũ\max}$  (0,3÷0,5)m.

### **11.3. Định hướng quy hoạch thoát nước mưa**

Thoát nước mưa: Thoát theo địa hình tự nhiên và thông qua hệ thống công rãnh gắn với xây dựng đường giao thông.

- Đối với khu trung tâm xã: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh theo chuẩn nông thôn mới nâng cao. Chọn kết cấu chính hệ thống thoát nước mưa khu trung tâm xã là cống ngầm.

- Đối với các điểm dân cư tại các thôn, xây dựng các tuyến mương, rãnh thoát nước, ưu tiên giải quyết các điểm ngập úng.

#### **11.4. Định hướng quy hoạch cấp điện**

- Nguồn điện: Cung cấp từ đường dây trung thế 22 KV An Nhơn - Tuy Phước.

- Trạm biến áp, đường dây cấp điện: Trên địa bàn xã có 12 trạm biến áp; hiện tại cơ bản ổn định, đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện của nhân dân. Định hướng trong thời gian đến đầu tư 2 trạm biến áp và đường dây cấp điện phục vụ cho nhu cầu sử dụng điện của người dân.

- Lưới điện chiếu sáng: Đầu tư lắp đặt hệ thống điện thấp sáng đường làng, ngõ xóm phục vụ cho việc đi lại của người dân và đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn xã.

Với tiêu chuẩn cấp điện dân dụng 200kWh/người/năm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 9.604 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 10.758 người; lượng điện cần cung cấp cho toàn xã như sau:

- Đến năm 2025: khoảng 2.650,7 kW/năm.

- Đến năm 2035: khoảng 2.969,21 kW/năm.

#### **11.5. Định hướng quy hoạch cấp nước**

a) Nguồn nước:

Nhà máy nước xã Cát Chánh, huyện Phù Cát và nhà máy nước xã Phước Quang cung cấp nước sạch trên địa bàn toàn xã.

b) Biện pháp bảo vệ nguồn nước:

- Đối với nguồn nước ngầm: Trong khu đất có bán kính 20 - 30m tính từ giếng, không được xây dựng các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước. Giếng nước dùng cho các hộ gia đình phải cách xa hố xí, khu chăn nuôi. Đối với điểm cung cấp nước sạch chọn nơi có nguồn nước tốt, xây dựng hệ thống bể đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với nguồn nước mặt: Trong khoảng 20m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình làm ô nhiễm nguồn nước.

c) Công trình cấp nước:

- Từ các trạm (nhà máy) cấp nước tập trung của thị xã, huyện, xây dựng các tuyến ống truyền tải và phân phối dọc theo các tuyến đường chính kết nối với nhau và cung cấp cho các khu vực dân cư, các cụm, điểm công nghiệp.

- Từ các tuyến ống cấp nước truyền tải, trong các điểm dân cư các xã bổ sung các tuyến ống phân phối cung cấp cho các nhu cầu sử dụng, các tuyến ống kết nối tạo thành các mạch vòng đảm bảo an toàn cho việc cấp nước.

- Ngoài ra trong khu vực còn xây dựng một số công trình chứa nước phục vụ phòng cháy chữa cháy. Các công trình chứa nước được lựa chọn xây dựng tại vị trí các công trình, các điểm dân cư và cụm, điểm công nghiệp.

Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 80 lít/người/ngày đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 9.604 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 10.758 người; lượng nước cần cung cấp cho toàn xã như sau:

- Đến năm 2025: khoảng 1.246,52m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Đến năm 2035: khoảng 1.396,3m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **11.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải**

- Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

- Sử dụng hệ thống xử lý nước thải riêng đối với khu trung tâm xã và khu dân cư quy hoạch mới, hệ thống thoát nước thải nửa riêng đối với khu dân cư hiện trạng, khu vực chỉnh trang.

- Quy hoạch mới khu đất xử lý nước thải diện tích 5.000m<sup>2</sup> khu vực thôn Phổ Đồng.

- Nước thải y tế: Thu gom và xử lý riêng tại các cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành mới được xả vào hệ thống chung.

### **11.7. Định hướng quy hoạch thu gom chất thải rắn**

Chất thải rắn (CTR): Tiến hành phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đối với CTR sản xuất và y tế thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR nguy hại phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- *Thu gom CTR:*

+ Đối với rác thải sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân, cơ quan, trường học, cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, dịch vụ ăn uống giải khát dọc theo các trục đường chính của xã, UBND xã Phước Thắng liên kết với đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng để xử lý.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của các hộ xa trục lộ chính, đường giao thông chưa đạt chuẩn (xe chuyên dụng không thu gom được): Thành lập tổ thu gom rác thải, phù hợp với từng địa bàn khu dân cư, tổ có trách nhiệm thu gom rác trong tổ của mình, vận chuyển rác thải đến nơi thu gom tập trung để đơn vị thu gom.



+ Đối với các hộ gia đình trong xóm mà nằm xa các tuyến đường, có vườn rộng thì ban nhân dân thôn vận động, hướng dẫn người dân phân loại rác, chôn lấp, tiêu hủy theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải trong sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề liên quan đến chất thải nguy hại, thực hiện thu gom tập trung về điểm thu gom chất thải nguy hại được quy hoạch tại thôn Phở Đồng.

- *Xử lý CTR*: CTR trên địa bàn xã sẽ được thu gom và chuyển đến bãi rác tập trung của huyện để xử lý theo quy trình.

Quy hoạch điểm tập kết chất thải nguy hại với diện tích 500m<sup>2</sup> tại thôn Phở Đồng.

### **11.8. Quy hoạch nghĩa trang**

Thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn; cải tạo các nghĩa trang hiện trạng đảm bảo môi trường, cảnh quan chung; khoanh vùng, đóng cửa các khu nghĩa địa hiện hữu không phù hợp quy hoạch, từng bước di dời. Thực hiện chôn cất tại các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch mới; khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

Quy hoạch mở rộng diện tích ở 03 nghĩa trang nhân dân ở các thôn: An Lợi, Thanh Quang và Lương Bình. Cụ thể:

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Đền thôn An Lợi với diện tích 3,59 ha, đưa tổng diện tích thành 4,20 ha đảm bảo phục vụ việc mai táng cho người quá cố ở ba thôn: An Lợi, Lạc Điền, Đông Điền;

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Thanh Quang với diện tích 0,74 ha, đưa tổng diện tích thành 2,0 ha đảm bảo phục vụ việc mai táng cho người quá cố ở ba thôn: Tư Cung, Thanh Quang, Phở Đồng;

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Lương Bình với diện tích 1,35 ha, đưa tổng diện tích thành 2,0 ha, đảm bảo phục vụ việc mai táng cho người quá cố ở ba thôn: Dương Thành, Khuông Bình, Lương Bình.

### **11.9. Quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất**

*a) Giao thông:*

- Đường trục thôn (đường giao thông nông thôn cấp B): Nâng cấp 3 tuyến đường trục thôn, xóm với chiều dài 1,84km.

- Đường giao thông nội đồng (đường giao thông nông thôn cấp C): Nâng cấp 32 tuyến đường GTNĐ với tổng chiều dài khoảng 19km.

*b) Thủy lợi:*

- Tiêu thoát lũ: Giữ nguyên theo hiện trạng và theo kế hoạch tiêu thoát lũ của Ban quản lý đê Đông (Sở Nông nghiệp và PTNT), đảm bảo hành lang thoát lũ của sông Kôn. Kế thừa hệ thống các công trình thoát nước của tuyến đường Cát Tiến - Diêm Vân, tuyến đường ĐT.640.

Quản lý chặt chẽ bờ sông, hành lang thoát lũ; kiên quyết cưỡng chế công trình xây dựng trái phép làm giảm khả năng thoát lũ. Về lâu dài đề xuất chủ trương lập các dự án tái định cư vùng thiên tai đối với các cụm dân cư nằm trong hành lang thoát lũ.

- Công trình phòng chống thiên tai: Định hướng quy hoạch 3 khu tránh trú thiên tai tại thôn Lạc Điền, Đông Điền và An Lợi.

- Xâm nhập mặn: Ổn định phương án phòng chống xâm nhập mặn ở khu vực Đê khu Đông của huyện.

- Kênh mương tưới tiêu: Nâng cấp và mở rộng 31 tuyến kênh mương với tổng chiều dài khoảng 22km.

*c) Điện phục vụ sản xuất:*

Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sản xuất của người dân, định hướng trong thời gian đến quy hoạch thêm 02 hệ thống điện phân bổ tập trung ở khu dân cư mới và khu thương mại - dịch vụ.

## **12. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:**

### **12.1. Các giải pháp phi công nghệ**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân, cộng đồng trong việc bảo vệ, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường. Phát động phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”.

- Tùy vào điều kiện thực tế ở địa phương, có kế hoạch tổ chức ra quân làm vệ sinh môi trường; thu gom xử lý chất thải, rác thải; khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh mương, hệ thống thoát nước; trồng cây xanh...

- Tăng diện tích cây xanh cách ly đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật giữa các đầu mối hạ tầng kỹ thuật, thương mại dịch vụ và khu dân cư, làng nghề.

- Bố trí vệt cây xanh trên các tuyến giao thông hợp lý, tăng cường dải cây xanh cách ly trên các tuyến trục giao thông chính, đặc biệt với khu vực dân cư, trạm xá, trường học...

- Tăng cường công tác quản lý buôn bán hóa chất bảo vệ thực vật và kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm; hướng dẫn người dân sử dụng hóa chất đúng quy cách, liều lượng, khuyến cáo sử dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng hóa chất trong sản xuất. Vận động người dân có ý thức thu gom bao bì hóa chất sau khi sử dụng tập trung đưa đi xử lý.

- Quản lý chặt chẽ quá trình xây dựng, tăng cường công tác giám sát và quản lý môi trường; có sự phối hợp chặt chẽ giữa ban quân dân chính các thôn và người dân trong công tác thực hiện quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường...

### **12.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường**

a) Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt như nội dung đề xuất quy hoạch. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt QCVN 14-MT: 2015/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt yêu cầu môi trường đối với nguồn loại A (nếu có), cần được lưu chứa ở hồ để kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý và tái sử dụng cho nhu cầu tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa,...

- Cần có giải pháp thu gom, xử lý hiệu quả bùn thải phát sinh từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; có sự kiểm tra, quan trắc định kỳ bùn thải.

#### b) Xử lý chất thải sinh hoạt:

Thu gom hiệu quả, tăng cường công tác phân loại rác tại nguồn, vận chuyển chất thải rắn về khu xử lý chất thải của khu vực theo quy hoạch đã đề xuất. Đặc biệt đối với chất thải nguy hại cần được quản lý chặt chẽ và đưa về khu xử lý chất thải nguy hại theo đúng tiêu chí kỹ thuật, quy định pháp luật hiện hành.

#### c) Xử lý nước thải, chất thải trong sản xuất nông nghiệp:

Khuyến cáo, hướng dẫn, hỗ trợ người dân xây dựng bể biogas, hầm ủ sinh học để xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi, phế thải trong sản xuất nông nghiệp, rác thải hữu cơ.

### **12.3. Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường**

- Cần tăng cường và bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường. Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

- Tiến hành xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Hình thành mạng lưới giám sát môi trường.

- Thực hiện các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững.

- Tăng cường hỗ trợ thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn; phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch.

- Quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh chất thải (khu công nghiệp, khu dân cư, các cơ sở sản xuất – TTCN). Quản lý, giám sát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

**13. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã:** Ban hành kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Quyết định này làm căn cứ để quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 2. UBND xã Phước Thắng (cơ quan tổ chức lập quy hoạch)

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố, công khai (đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của xã, huyện), cắm mốc giới ngoài thực địa theo đồ án quy hoạch được duyệt; gửi hồ sơ quy hoạch được duyệt cho các cơ quan,

đơn vị liên quan ở huyện và Sở Xây dựng để lưu trữ, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để thực hiện các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt. Mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, tổng hợp, báo cáo UBND huyện xem xét quyết định.

3. Giao Trưởng phòng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy và các vấn đề liên quan khác theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Thắng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, CVVP (K3);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**